

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+P4	7:25	17+5	0+0		1+21	0+0	
2		P8+P1+BK8	7:25	2+19+1	0+0+0		0+20+1	0+0+0	
3		P4+P2+BK10	7:25	2+2+17	0+0+0		0+2+19	0+0+0	CHUYEN 1 p2- bk10
4		HSD+TGT H5+AMD	7:25	5+4+13	0+0+0		5+3+14	0+0+0	
5		P7+GT C1	9:25	19+0	0+0		17+4	0+0	
6		P5+P4+BK5	9:25	17+5+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	CHUYEN 1 P5- BK5
7		P9+P3	9:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
8		AMD+P4+CNV	9:25	15+7+0	0+0+0		11+9+2	0+0+0	
9		P1+RP3+RP2	11:25	9+2+4	0+0+0		4+0+18	0+0+0	
10		P6	17:00	0	0		0	0	Huấn luyện

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/rp2-17 NGƯỜI ĐI VỀ CHUYẾN CUỐI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: RP2 - P4	CREW: TTrung - ĐNam - MQUÂN -	ETA: 09:15
CAM-1		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOVT A.	RP2					96	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN HỒNG GIANG	RP2	07	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
3	ĐINH TRUNG KIẾN	RP2					69	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀI VŨ	RP2					66	D-HANH	Vietnamese
5	HUYNH THANH LAM	RP2	01	1	2		72	D-HANH	Vietnamese
6	LƯU QUỐC NHẬT	RP2	11-12	2	10		71	D-HANH	Vietnamese
7	LÊ VIỆT DŨNG	RP2					59	KH-THAC	Vietnamese
8	POPOV A.	RP2	03	1	5		74	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN CÔNG HIỂU	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM DUY CHUNG	RP2	06	1	2		70	DK9	Vietnamese
11	YATSENKO S.	RP2	02	1	3		100	ANTOAN	Russian
12	PHAM THANH BÌNH	RP2					75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THỂ VĂN	RP2	05	1	5		76	XAYLAP	Vietnamese
14	AVDEEV A.	RP2	04	1	5		118	NIPI	Russian
15	BUI HỒNG DƯƠNG	RP2	09	1	3		60	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TIỆP	RP2	08	1	3		75	NIPI	Vietnamese
17	KIEU TUÂN ANH	RP2	10	1	4		70	DK9	Vietnamese
18	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P4	56	1	4	50	52	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY THAI	P4	89	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	88	1	9		87	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THAI SƠN	P4	91	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	90	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

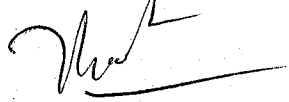
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	12	47	1.296	0	1		
2	P4	5	5	36	341	50	21		
TOTAL		22	17	83	1.637	50	22		
WEIGHT KG				83	1.637	50			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	TO: P8 - P1 - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÀN VIỆT ĐỒNG	P8	44	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THƯA THAI	P8	45	1	10	40	65	CODIEN	Vietnamese
3	BABKIN A.M	P1	84	1	7		100	KH-THAC	Russian
4	KISELEV IGOR	P1	83	1	5		100	KH-THAC	Russian
5	NINH QUỐC HỘI	P1	78	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THỌ	P1	79	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KIM CUƠNG	P1	74	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRUNG CHÍNH	P1	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIẾU	P1	75	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ VINH	P1	77	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU DŨNG	P1	92-93	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH TÀI	P1	89-90	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P1	88	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ KIẾN TRUNG	P1	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	82	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ QUỐC VIỆT	P1	91	1	10		65	YTE	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DŨ	P1	80-81	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH SƠN	P1	71	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN THẮNG	P1	72-73	2	12		50	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HOANG NHAN	P1	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ BA HOA	BK8	85	1	15	45	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

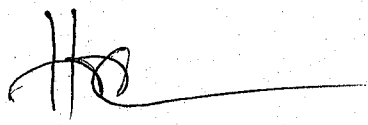
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	2	2	20	140	40	0		
2	P1	19	23	129	1.392	40	20		
3	BK8	1	1	15	75	45	1		
TOTAL		22	26	164	1.607	125	21		
WEIGHT KG				164	1.607	125			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

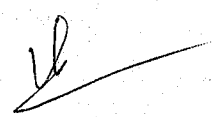
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

The 23th

DATE: 11/10/2022	TO: P4 - P2 - BK10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: XHOÀN - VThắng - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

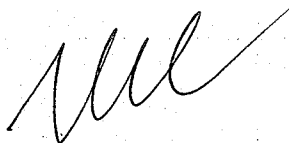
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HOANG	P4	53	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI MINH TUAN	P4	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN NGOC TUAN	P4	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO MẠNH DUNG	P4	54	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN KHOAI	P4	56	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN HUNG	P4					70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN NHAN HAI	P4	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	60	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU VĂN ĐẠT	P4	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HOANG SANG	P4	50-51	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM VĂN QUANG	P4	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ANH THẮNG	P4	61-62	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HÀ TÂN DUNG	P4	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC MINH	P4	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỒNG TRUNG	P4	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ NƠ	P4					55	VNHS	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀI NAM	P2	56	1	10	80	75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG MẠNH	BK10	97	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	VU XUÂN TÂM	BK10	96	1	15	40	65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK10	98	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	18	90	1.189	0	16		CHUYỂN 1 PAX P2-BK10 1 NB NGUYỄN DUY CHUNG
2	P2	1	1	10	75	80	1+2		
3	BK10	3	3	30	195	40	2		
TOTAL		22	22	130	1.459	120	19		
WEIGHT KG				130	1.459	120			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	TO: HSD - TGTH5 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - THỤ -	ETA: 09:20
VANG-1		N.Cuong	

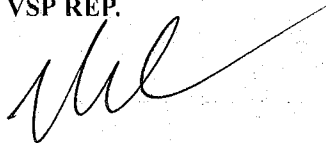
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH BICH NGOC	HSD	55-56	2	11		67	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	HSD	36	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH TUNG	HSD	37	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET THANG	HSD	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NHA	HSD	35,58	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUNG MINH HAI	TGTH5	35	1	10		75	HLJOC	Vietnamese
7	TRAN MINH KIEN	TGTH5	33	1	6		70	HLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	32	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN KHANH	TGTH5	34	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	LOO TINH SOON	AMD	65-66	2	11		70	BAB	Malaysian
11	K LỘC	AMD	75	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LA THANH	AMD	79	1	6	38	88	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THANH	AMD	72	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CONG DUNG	AMD	69-70	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SANH	AMD	77	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	78	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
17	LY CAO THANG	AMD	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	CHEUNG SHU KAN	AMD	68	1	7	13	75	SOLAR/VSP	Canadian
19	NGO VAN SAU	AMD	87	1	12	50	68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET LAM	AMD	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	76	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUANG THANH	AMD	73	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

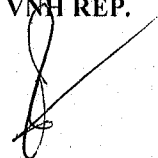
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	5	7	51	344	0	5		
2	TGTH5	4	4	28	270	0	3		
3	AMD	13	15	103	940	101	14		
TOTAL		22	26	182	1.554	101	22		
WEIGHT KG				182	1.554	101			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 07	TO: P7 - GTC1	CREW: KHOÀN - VThắng - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

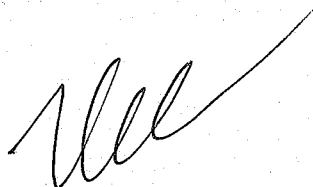
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN QUE	P7	75	1	5	90	70	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH THANH TAM	P7	81	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG VAN QUANG	P7	72-73	2	6		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU HUNG	P7	64	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN LOI	P7	66	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG VU	P7					84	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TAN SANG	P7	63	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THIEN	P7	69	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	HUA SAY	P7	67-68	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HO THIEN TAM	P7	65	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO KIM SAM	P7	74	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH NGOC	P7	57	1	10		102	KH-THAC	Vietnamese
13	DO THANH HUNG	P7	70	1	5		71	YTE	Vietnamese
14	HOANG VIET HUNG	P7	71	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	LE MINH HOAN	P7	78	1	10		78	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN CAN	P7	77	1	7		70	PSV	Vietnamese
17	MAI VAN TOAN	P7	79-80	2	20		60	PSV	Vietnamese
18	DO LY KHANH	P7	76	1	10		88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	18	20	128	1.325	90	17		
2	GTC1	0	0	0	0	35	4		
TOTAL		18	20	128	1.325	125	21		
WEIGHT KG				128	1.325	125			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

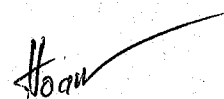
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: P5 - P4 - BK5	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN BẮC	P5					76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG PHÚC	P5	43	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	33	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	41	1	5	55	82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	36	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THÀNH	P5	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	34-35	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	42	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P5	40	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HỮU CHÍNH	P5	45	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUÝ TÀI	P5	44	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN CUÔNG	P5	46	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN TRUNG	P5	38-39	2	13		67	YTE	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	32	1	7		60	PSV	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TÍNH	P5	31	1	7		72	PSV	Vietnamese
16	BUI MẠNH CUÔNG	P4	93	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P4	94	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG PHÚ	P4	95-96	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG THỜI	P4	97	1	15	10	67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	P4	99,200	2	16		52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	16	108	1.033	55	16	1	CHUYEN 1 PAX P5-BK5
2	P4	5	7	49	308	10	5		
3	BK5	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		20	23	157	1.341	105	21		
WEIGHT KG				157	1.341	105			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	TO: P9 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - MQUÂN - Tú	ETA: 11:15
CAM-2			

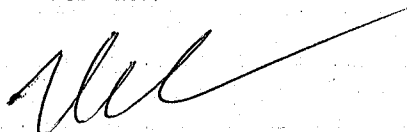
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LINH	P9	14	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	15-17	3	20		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG CÔNG THIN	P9	11	1	6		70	SINHHUNG	Vietnamese
4	VÔ HỒNG QUAN	P9	13	1	9		91	SINHHUNG	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THÔNG	P9	12	1	8		64	SINHHUNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHONG	P3	14	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHONG	P3	99	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH HOAI	P3	68	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THE DUONG	P3	11	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SY CÔNG	P3	98	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN THANH	P3	70	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	97	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HUNG	P3	69	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TUẤN ANH	P3	17	1	10	20	94	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THE HỎI	P3	15	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P3	18	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	KOMARITSKIKH	P3	22	1	10		90	KH-THAC	Russian
19	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P3	20-21	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HOAI	P3	13	1	6		58	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN PHƯƠNG	P3	16	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN PHI DAN	P3	96	1	10		59	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

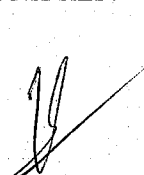
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	7	58	370	0	1		
2	P3	17	18	123	1.220	20	21		
TOTAL		22	25	181	1.590	20	22		
WEIGHT KG				181	1.590	20			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	TO: AMD - P4 - CNV	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - THỤ -	ETA: 11:20
Vang - 2		N.Cuong	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	94-95	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN DUNG	AMD	04-05	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	VU MẠNH HÀ	AMD	02-03	2	10		87	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	97	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH DUC	AMD	01	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI BÀ HUNG	AMD	90	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	96	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU CUONG	AMD	92-93	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC TOÀN	AMD	91	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÍNH	AMD	06-07	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	98	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VU MẠNH ĐIẾP	AMD	800	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH MAI THIÊN	AMD	99	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	08-09	2	15	90	99	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	AMD	88	1	8	15	70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN QUÂN	P4	95	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ THẾ LONG	P4	96	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÂM	P4	99,1000	2	13		70	YTE	Vietnamese
19	TRẦN THANH LIÊM	P4	98	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỒNG	P4	97	1	6		75	PSV	Vietnamese
21	HOANG NGOC HOA	P4	66	1	8		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	21	140	1.112	105	9		
2	P4	6	7	57	421	0	11		
3	CNV	0	0	0	0	25	2		
TOTAL		21	28	197	1.533	130	22		
WEIGHT KG				197	1.533	130			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 09	TO: P1 - RP3 - RP2	CREW: Dương - Linh - Toan	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM SY HIEP	P1	34	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
2	VU NAM CUONG	P1	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HUU PHUOC	P1	400	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	VO HONG HAI	P1	32-33	2	21		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN PHIEN	P1	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DOAN DUC	P1	97	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN KIM THACH	P1	36-37	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THONG	P1	99	1	3		61	PSV	Vietnamese
9	VU DINH TU	P1	98	1	5		61	PSV	Vietnamese
10	HO THE HAN	RP3	23	1	10		69	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TAN HOANG	RP3	22	1	4		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ANH	RP2	16	1	10	36	62	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM HOANG HUNG	RP2	20	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TUAN CUONG	RP2	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI DUC HAU	RP2	14-15	2	10		60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	11	71	592	0	4		
2	RP3	2	2	14	134	0	0		
3	RP2	4	5	29	282	36	18		
TOTAL		15	18	114	1.008	36	22		
WEIGHT KG				114	1.008	36			

GRAND TOAL: 1.158 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN